

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI TẠI CỘNG ĐỒNG THÁNG 04 NĂM 2026

Xã Nghĩa Sơn

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Mã đối tượng	Số số trợ cấp	Số tiền được trợ giúp (đồng)			Thông tin về người nhận tiền			
						Trợ cấp thường xuyên, hàng tháng	Trợ cấp khác, truy lĩnh, truy thu	Số tiền đối tượng được nhận	Là đối tượng (Đánh dấu X)	Quan hệ với đối tượng	Ký nhận	Họ và tên người nhận
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=7+8</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
1	Đặng Thị Mùi	1916	Xóm 5	5.3		500,000		500,000				
2	Hoàng Thế Năm	8/10/1942	Xóm 1	5.3		500,000		500,000				
3	Nguyễn Đức Vươn	1/1/1944	Xóm 6	5.3		500,000		500,000				
4	Nguyễn Thị Hồi	6/1930	Xóm 5	5.3		500,000		500,000				
5	Trần Thị Thược	1/1/1944	Xóm 6	5.3		500,000		500,000				
6	Vũ Thị Kính	1/1/1942	Xóm 4	5.3		500,000		500,000				
7	Mai Văn Tất	1/1/1950	Xóm 3	5.3		500,000		500,000				
8	Nguyễn Ngọc Thịnh	10/4/1946	Xóm 6	5.3		500,000		500,000				
9	Đỗ Thị Lụa	01/01/1946	Xóm 3	5.3		500,000		500,000				
10	Trần Văn Biên	01/01/1946	Xóm 3	5.3		500,000		500,000				
11	Vũ Thị Nhiều	10/5/1949	Xóm 8	5.3		500,000		500,000				
12	Trần Văn Giang	10/10/1949	Xóm 8	5.3		500,000		500,000				
13	Nguyễn Cao Đăng	1/1/1947	Xóm 8	5.3		500,000		500,000				
14	Nguyễn Văn Duy	01/01/1961	Xóm 11	6.2		1,250,000		1,250,000				
15	Đông Thị Xuyên	5/11/1972	xóm 1	6.3		750,000		750,000				
16	Nguyễn Văn Ước	6/1984	Xóm 10	6.3		750,000		750,000				
17	Nguyễn Văn Dương	10/10/1999	Xóm 10	6.3		750,000		750,000				
18	Nguyễn Văn Hiếu	9/2/1988	Xóm 8	6.3		750,000		750,000				
19	Trần Duy Khánh	15/2/2006	Xóm 9	6.3		750,000		750,000				
20	Ngô Văn Tuyền	16/02/2000	Xóm 4	6.3		750,000		750,000				
21	Nguyễn Thị Mùi	05/05/1966	Xóm 11	6.3		750,000		750,000				
22	Nguyễn Văn Hòa	6/1965	Xóm 5	6.4		1,000,000		1,000,000				
23	Nguyễn Đức Hải	12/1957	Xóm 5	6.4		1,000,000		1,000,000				
24	Trần Văn Ước	01/01/1963	Xóm 6	6.4		1,000,000		1,000,000				
25	Vũ Thị Khiếu	20/9/1983	xóm 10	7.3		500,000		500,000				
26	Trần Thị Huệ	01/01/1965	Xóm 11	7.3		500,000		500,000				
27	Nguyễn Thị Mai	01/01/1951	Xóm 8	5.5		500,000	1,000,000	1,500,000				
28	Phạm Thị Cậy	01/01/1918	Xóm 4	5.3		500,000	1,500,000	2,000,000				
Cộng số tiền:						18,000,000	2,500,000	20,500,000				

Tổng số người: 28 người
 Tổng số tiền (bằng chữ): (Hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Số đối tượng đã nhận tiền (bằng chữ):
 Tổng số tiền các đối tượng đã nhận (bằng chữ):

Nghĩa Sơn, Ngày tháng 4 năm 2026

Ngày tháng 4 năm 2026

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI XÃ NGHĨA SƠN

Bưu điện huyện Nghĩa Hưng

Người lập biểu

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người cấp phát

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI TẠI CỘNG ĐỒNG THÁNG 04 NĂM 2026

Xã Nghĩa Sơn

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Mã đối tượng	Số số trợ cấp	Số tiền được trợ giúp (đồng)			Thông tin về người nhận tiền			
						Trợ cấp thường xuyên, hàng tháng	Trợ cấp khác, truy lĩnh, truy thu	Số tiền đối tượng được nhận	Là đối tượng (Đánh dấu X)	Quan hệ với đối tượng	Ký nhận	Họ và tên người nhận
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10	11	12	13
1	Vũ Thị Xuân	1/6/1962	Xóm Đồng Lợi	5.1		750,000		750,000				
2	Nguyễn Thị Giòn	6/1927	Xóm Đồng Hưng	5.3		500,000		500,000				
3	Nguyễn Thị Mười	6/1927	Xóm Đồng Nguyên	5.3		500,000		500,000				
4	Phạm Văn Huỳnh	1/1/1943	Xóm Nguyên Lực	5.3		500,000		500,000				
5	Phạm Thị Dung	6/1931	Xóm Đồng Nhân	5.3		500,000		500,000				
6	Trần Thị Nhạc	1922	Xóm Tâm Lương	5.3		500,000		500,000				
7	Trần Thị Hách	8/1929	Xóm Đồng Nguyên	5.3		500,000		500,000				
8	Trần Thị Thoa	6/1931	Xóm Đồng Nguyên	5.3		500,000		500,000				
9	Trần Thị Toại	1/1/1935	Xóm Đồng Lợi	5.3		500,000		500,000				
10	Trần Văn Thái	5/7/1943	Xóm Đồng Quang	5.3		500,000		500,000				
11	Trần Thị Huệ	1/1/1944	Xóm Nguyên Lực	5.3		500,000		500,000				
12	Vũ Thị Nhiều	1/1/1941	Xóm Đồng Lợi	5.3		500,000		500,000				
13	Chu Thị Loan	1/1/1945	Xóm Nguyên Lực	5.3		500,000		500,000				
14	Trần Văn Quán	1/24/1945	xóm Đồng Thành	5.3		500,000		500,000				
15	Hoàng Thị Ty	1/1/1950	Xóm Đồng Tâm	5.3		500,000		500,000				
16	Trần Văn Thuận	13/11/1945	Xóm Đồng Nhân	5.3		500,000		500,000				
17	Nguyễn Thị Hiền	01/01/1947	Xóm Đồng Thịnh	5.3		500,000		500,000				
18	Vũ Thị Hương	07/12/1989	Xóm Đồng Hưng	6.1		1,000,000		1,000,000				
19	Vũ Văn Hiến	5/4/1951	Xóm Đồng Lợi	6.2		1,250,000		1,250,000				
20	Nguyễn Văn Thế	1/1/1983	Xóm Đồng Lực	6.3		750,000		750,000				
21	Nguyễn Văn Hào	3/3/1985	Xóm Đồng Lực	6.3		750,000		750,000				
22	Trần Thị Thảo	2/9/2007	Xóm Đồng Tâm	6.3		750,000		750,000				
23	Nguyễn Thị Liên	10/06/1982	Xóm Đồng Nhân	6.3		750,000		750,000				
24	Vũ Thị Hồng	1/1952	Xóm Đồng Thịnh	6.4		1,000,000		1,000,000				
25	Đặng Văn Thứ	20/12/1962	Xóm Nguyên Lực	6.4		1,000,000		1,000,000				
26	Nguyễn Thị Đượm	8/10/1990	Xóm Đồng Nhân	7.3		500,000		500,000				
27	Trần Thị Hương	17/9/1953	xóm Đồng Lợi	7.3		500,000		500,000				
28	Vũ Thị Sen	01/01/1960	Xóm Đồng Hưng	7.3		500,000		500,000				
Cộng số tiền:						17,500,000		17,500,000				

Tổng số người: 28 người
 Tổng số tiền (bằng chữ): (Hai Mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

Số đối tượng đã nhận tiền (bằng chữ):
 Tổng số tiền các đối tượng đã nhận (bằng chữ):

Nghĩa Sơn, Ngày tháng 4 năm 2026

Ngày tháng 4 năm 2026

PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI XÃ NGHĨA SƠN

Bưu điện huyện Nghĩa Hưng

Người lập biểu

Kế toán

Trưởng phòng

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người cấp phát

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI TẠI CỘNG ĐỒNG THÁNG 05 NĂM 2026

Xã Nghĩa Sơn

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Mã đối tượng	Số số trợ cấp	Số tiền được trợ giúp (đồng)			Thông tin về người nhận tiền			
						Trợ cấp thường xuyên, hàng tháng	Trợ cấp khác, truy lĩnh, truy thu	Số tiền đối tượng được nhận	Là đối tượng (Đánh dấu X)	Quan hệ với đối tượng	Ký nhận	Họ và tên người nhận
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10	11	12	13
1	Đặng Thị Mùi	1916	Xóm 5	5.3		500,000		500,000				
2	Hoàng Thế Năm	8/10/1942	Xóm 1	5.3		500,000		500,000				
3	Nguyễn Đức Vươn	1/1/1944	Xóm 6	5.3		500,000		500,000				
4	Nguyễn Thị Hồi	6/1930	Xóm 5	5.3		500,000		500,000				
5	Trần Thị Thược	1/1/1944	Xóm 6	5.3		500,000		500,000				
6	Vũ Thị Kính	1/1/1942	Xóm 4	5.3		500,000		500,000				
7	Mai Văn Tất	1/1/1950	Xóm 3	5.3		500,000		500,000				
8	Nguyễn Ngọc Thịnh	10/4/1946	Xóm 6	5.3		500,000		500,000				
9	Đỗ Thị Lua	01/01/1946	Xóm 3	5.3		500,000		500,000				
10	Trần Văn Biên	01/01/1946	Xóm 3	5.3		500,000		500,000				
11	Vũ Thị Nhiều	10/5/1949	Xóm 8	5.3		500,000		500,000				
12	Trần Văn Giang	10/10/1949	Xóm 8	5.3		500,000		500,000				
13	Nguyễn Cao Đăng	1/1/1947	Xóm 8	5.3		500,000		500,000				
14	Nguyễn Văn Duy	01/01/1961	Xóm 11	6.2		1,250,000		1,250,000				
15	Đông Thị Xuyên	5/11/1972	xóm 1	6.3		750,000		750,000				
16	Nguyễn Văn Ước	6/1984	Xóm 10	6.3		750,000		750,000				
17	Nguyễn Văn Dương	10/10/1999	Xóm 10	6.3		750,000		750,000				
18	Nguyễn Văn Hiếu	9/2/1988	Xóm 8	6.3		750,000		750,000				
19	Trần Duy Khánh	15/2/2006	Xóm 9	6.3		750,000		750,000				
20	Ngô Văn Tuyền	16/02/2000	Xóm 4	6.3		750,000		750,000				
21	Nguyễn Thị Mùi	05/05/1966	Xóm 11	6.3		750,000		750,000				
22	Nguyễn Văn Hóa	6/1965	Xóm 5	6.4		1,000,000		1,000,000				
23	Nguyễn Đức Hải	12/1957	Xóm 5	6.4		1,000,000		1,000,000				
24	Trần Văn Ước	01/01/1963	Xóm 6	6.4		1,000,000		1,000,000				
25	Vũ Thị Khiếu	20/9/1983	xóm 10	7.3		500,000		500,000				
26	Trần Thị Huệ	01/01/1965	Xóm 11	7.3		500,000		500,000				
27	Nguyễn Thị Mai	01/01/1951	Xóm 8	5.5		500,000		500,000				
28	Phạm Thị Cậy	01/01/1918	Xóm 4	5.3		500,000		500,000				
29	Vũ Thị Xuân	1/6/1962	Xóm Đồng Lợi	5.1		750,000		750,000				
30	Nguyễn Thị Giòn	6/1927	Xóm Đồng Hưng	5.3		500,000		500,000				
31	Nguyễn Thị Mươi	6/1927	Xóm Đồng Nguyên	5.3		500,000		500,000				
32	Phạm Văn Huỳnh	1/1/1943	Xóm Nguyên Lực	5.3		500,000		500,000				
33	Phạm Thị Dung	6/1931	Xóm Đồng Nhân	5.3		500,000		500,000				
34	Trần Thị Nhạc	1922	Xóm Tâm Lương	5.3		500,000		500,000				
35	Trần Thị Hách	8/1929	Xóm Đồng Nguyên	5.3		500,000		500,000				
36	Trần Thị Thoa	6/1931	Xóm Đồng Nguyên	5.3		500,000		500,000				
37	Trần Thị Toại	1/1/1935	Xóm Đồng Lợi	5.3		500,000		500,000				
38	Trần Văn Thái	5/7/1943	Xóm Đồng Quang	5.3		500,000		500,000				
39	Trần Thị Huệ	1/1/1944	Xóm Nguyên Lực	5.3		500,000		500,000				
40	Vũ Thị Nhiều	1/1/1941	Xóm Đồng Lợi	5.3		500,000		500,000				
41	Chu Thị Loan	1/1/1945	Xóm Nguyên Lực	5.3		500,000		500,000				
42	Trần Văn Quán	1/24/1945	xóm Đồng Thành	5.3		500,000		500,000				
43	Hoàng Thị Ty	1/1/1950	Xóm Đồng Tâm	5.3		500,000		500,000				
44	Trần Văn Thuận	13/11/1945	Xóm Đồng Nhân	5.3		500,000		500,000				
45	Nguyễn Thị Hiền	01/01/1947	Xóm Đồng Thịnh	5.3		500,000		500,000				
46	Vũ Thị Hương	07/12/1989	Xóm Đồng Hưng	6.1		1,000,000		1,000,000				
47	Vũ Văn Hiến	5/4/1951	Xóm Đồng Lợi	6.2		1,250,000		1,250,000				
48	Nguyễn Văn Thế	1/1/1983	Xóm Đồng Lực	6.3		750,000		750,000				
49	Nguyễn Văn Hào	3/3/1985	Xóm Đồng Lực	6.3		750,000		750,000				
50	Trần Thị Thảo	2/9/2007	Xóm Đồng Tâm	6.3		750,000		750,000				
51	Nguyễn Thị Liên	10/06/1982	Xóm Đồng Nhân	6.3		750,000		750,000				
52	Vũ Thị Hồng	1/1952	Xóm Đồng Thịnh	6.4		1,000,000		1,000,000				
53	Đặng Văn Thứ	20/12/1962	Xóm Nguyên Lực	6.4		1,000,000		1,000,000				
54	Nguyễn Thị Đượm	8/10/1990	Xóm Đồng Nhân	7.3		500,000		500,000				
55	Trần Thị Hường	17/9/1953	xóm Đồng Lợi	7.3		500,000		500,000				
56	Vũ Thị Sen	01/01/1960	Xóm Đồng Hưng	7.3		500,000		500,000				
Cộng số tiền:						35,500,000		35,500,000				